



BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Bộ điều khoản và điều kiện của Hợp đồng mở tài khoản và đăng ký dịch vụ giao dịch chứng khoán này (“**Bộ ĐKĐK**”) là một phần không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản và đăng ký dịch vụ giao dịch chứng khoán (sau đây gọi là “**HD mở TKCK**”).

A. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

- 1.1 **Khách hàng:** Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán có thông tin mặc định ghi trong phần thông tin Khách hàng trên HD mở TKCK.
- 1.2 **VTGS:** Là Công ty cổ phần Chứng khoán VTG.
- 1.3 **UBCKNN:** Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 1.4 **VSDC:** Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 1.5 **SGDCK:** Là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 1.6 **TKCK:** Là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng với số ghi tại trang đầu của HD mở TKCK và các tài khoản, tiểu khoản khác được VTGS mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản đó nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép thực hiện cho Khách hàng (trong đó có cả tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản/tiểu khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản/tiểu khoản trong tài khoản chuyên dụng của VTGS mở để quản lý tài sản của Khách hàng).
- 1.7 **TKGDKQ:** Là tài khoản/tiểu khoản được VTGS mở cho Khách hàng khi Khách hàng đăng ký mở TKCK và sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ (hoặc đăng ký mở TKGDKQ sau đó). HD mở TKCK đồng thời là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên TKGDKQ.
- 1.8 **Lệnh:** Là lệnh (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh sửa, lệnh hủy, lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán và lệnh giao dịch khác), chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận liên quan đến TKCK theo quy định của HD mở TKCK.
- 1.9 **Ngày giao dịch:** Là ngày dương lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ khác theo quy định của pháp luật, kể cả nghỉ bù) mà vào ngày đó UBCKNN, VSDC, SGDCK hoạt động bình thường.
- 1.10 **Số điện thoại:** Là số điện thoại cố định, di động được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên HD mở TKCK hoặc số khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS.
- 1.11 **Thư điện tử (Email):** Là thư điện tử được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên HD mở TKCK hoặc thư điện tử khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS.
- 1.12 **Website VTGS:** Là trang thông tin điện tử của VTGS với địa chỉ <https://vtgs.vn/> hoặc địa chỉ khác mà VTGS thông báo tùy từng thời điểm. Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một phần sẽ được giải thích tại phần đó.

Điều 2: Mở tài khoản

- 2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, VTGS sẽ mở TKCK đứng tên Khách hàng. Đồng thời, VTGS cũng sẽ mở tài khoản lưu ký chứng khoán cho Khách hàng trừ trường hợp Khách hàng có yêu cầu khác.
- 2.2 Khách hàng được quyền lựa chọn phương thức quản lý tiền gửi như sau:
 - a) VTGS mở tài khoản chuyên dụng tại ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch của Khách hàng trên TKCK. Trường hợp này, Khách hàng đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho VTGS tự động giữ lại và/hoặc trích tiền từ TKCK để thanh toán cho các giao dịch chứng khoán đã thực hiện, các khoản phí giao dịch, phí dịch vụ, thuế và các khoản chi phí phát sinh và bất kỳ nghĩa vụ nào với VTGS, với Nhà nước và/hoặc hoàn trả cho các khoản mà VTGS ứng trước để thực hiện thanh toán cho Khách hàng liên quan đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán tại VTGS.
 - b) Khách hàng mở tài khoản thanh toán trực tiếp tại ngân hàng thương mại (tài khoản thanh toán) do VTGS lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp này, Khách hàng đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho VTGS:
 - (i) Kiểm tra thông tin số dư tài khoản thanh toán của Khách hàng tại ngân hàng để xác định khả năng thanh toán của Khách hàng cho giao dịch mua chứng khoán khi Khách hàng đặt lệnh mua;
 - (ii) Yêu cầu ngân hàng phong tỏa và/hoặc trích tiền từ tài khoản thanh toán của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán mà Khách hàng đặt lệnh mua và các khoản phí giao dịch, phí dịch vụ, thuế và các khoản chi phí phát sinh và bất kỳ nghĩa vụ và/hoặc trách nhiệm nào với VTGS, với Nhà nước liên quan đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán tại VTGS;
 - (iii) Gửi yêu cầu thanh toán đến ngân hàng quản lý tài khoản thanh toán của Khách hàng.
 - (iv) Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật.
- 2.3 Trong thời hạn hiệu lực của HD mở TKCK, VTGS cũng có thể mở tài khoản/tiểu khoản khác cho Khách hàng nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép theo yêu cầu của Khách hàng. Các tài khoản và tiểu khoản này đều gắn với TKCK.

Điều 3: Dịch vụ chứng khoán

- 3.1 Khách hàng đề nghị và VTGS đồng ý cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ sau:
 - a) Mở TKCK;
 - b) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán theo lệnh, yêu cầu hoặc ủy quyền của khách hàng;
 - c) Thực hiện đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ theo quy định của VSDC và theo ủy quyền của Khách hàng;
 - d) Quản lý tiền, chứng khoán của Khách hàng trên TKCK (đối với Khách hàng thực hiện giao dịch, lưu ký chứng khoán tại VTGS); hoặc quản lý chứng khoán của Khách hàng (đối với Khách hàng thực hiện giao dịch và lưu ký chứng khoán tại VTGS, thanh toán thông qua

tài khoản thanh toán);

- e) Quản lý chứng khoán, tiền và tài sản được phép khác của Khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán theo thỏa thuận với Khách hàng và phù hợp với chức năng của VTGS;
 - f) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;
 - g) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tài khoản/tiểu khoản theo thỏa thuận với Khách hàng phù hợp với nghiệp vụ được phép của VTGS; và
 - h) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được VTGS cung cấp trong từng thời kỳ và được công bố trên Website VTGS.
- 3.2 Trong thời hạn hiệu lực của HĐ mở TKCK, Khách hàng có thể đưa ra đề nghị thay đổi/hủy thông tin và dịch vụ. Các đề nghị này phải được lập thành văn bản và VTGS có quyền chấp thuận hoặc từ chối đề nghị của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của VTGS trong từng thời kỳ.

Điều 4: Cách thức nhận lệnh

- 4.1 VTGS nhận Lệnh của Khách hàng theo một trong các cách thức sau:
 - a) Nhận Lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của VTGS);
 - b) Nhận Lệnh qua điện thoại;
 - c) Nhận Lệnh qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến theo quy định tại **Phần C** “Điều khoản Điều kiện về Giao dịch trực tuyến”.
- 4.2 VTGS có thể nhận Lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định do VTGS áp dụng trong từng thời kỳ.

Điều 5: Quy định chung về Lệnh

- 5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi Lệnh theo mẫu do VTGS quy định và theo phương thức áp dụng cho loại Lệnh đó quy định tại HĐ mở TKCK.
- 5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và VTGS.
- 5.3 Khách hàng là pháp nhân có trách nhiệm tuân thủ quy định nội bộ của mình khi lập và gửi Lệnh (cả về nội dung và thủ tục). Khi nhận được Lệnh của Khách hàng, VTGS được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã tuân thủ quy định nội bộ của mình.
- 5.4 Nếu VTGS không thể xác minh được chữ ký trên Lệnh của Khách hàng so với chữ ký mẫu của Khách hàng sau khi đã thực hiện mọi thủ tục xác minh hợp lý thì VTGS có quyền không thực hiện Lệnh. Nếu VTGS có lý do hợp lý để nghi ngờ chữ ký trên Lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VTGS) thì VTGS có quyền trì hoãn thực hiện Lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.
- 5.5 VTGS chỉ thực hiện Lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để Lệnh có thể được thực hiện, kể cả có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho lệnh mua hoặc bán tương ứng.
- 5.6 VTGS được từ chối thực hiện Lệnh nếu Lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của VTGS) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được VTGS áp dụng trong từng thời kỳ).
- 5.7 Việc lập, gửi và thực hiện Lệnh của Khách hàng phải tuân thủ quy định do VTGS áp dụng trong từng thời kỳ.
- 5.8 Trường hợp Khách hàng ủy quyền cho người khác đặt lệnh thì phải:
 - a) Có văn bản ủy quyền theo quy định của VTGS và quy định pháp luật;
 - b) Chấp nhận kết quả và những nghĩa vụ phát sinh từ Lệnh do người được ủy quyền đặt;
 - c) Tự chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và người được ủy quyền; Khách hàng và người được ủy quyền tự giải quyết, đồng thời cam kết và đảm bảo không yêu cầu VTGS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào với bất kỳ lý do gì. Nếu VTGS phải tham gia theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Khách hàng và người được ủy quyền sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm chi trả mọi chi phí để VTGS tham gia.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của **Bộ ĐKĐK** và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 6.1 Quyền:
 - a) Là chủ sở hữu hợp pháp với toàn bộ số tiền và chứng khoán trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - b) Được hưởng mức lãi suất theo quy định của VTGS công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền có trên TKCK;
 - c) Được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKCK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt HĐ mở TKCK với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với VTGS/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - d) Yêu cầu VTGS cung cấp các thông tin liên quan đến các giao dịch và TKCK;
 - e) Khách hàng có thể đăng ký với VTGS trong giờ hành chính vào các ngày giao dịch tương ứng để được xuất hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật và quy định của VTGS tại từng thời kỳ.
- 6.2 Nghĩa vụ:
 - a) Cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại HĐ mở TKCK và phải thông báo cho VTGS khi phát sinh những thay đổi trong vòng 03 ngày làm việc để VTGS kịp thời cập nhật và điều chỉnh. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo hoặc thông báo chậm trễ cho VTGS. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng bộ với các tài khoản, tiểu khoản khác của Khách hàng. Mọi thay đổi thông tin trên TKCK sẽ được cập nhật tương ứng trên các tài khoản, tiểu khoản khác;
 - b) Thanh toán các khoản phí, thuế, các chi phí khác liên quan liên quan đến việc mở, sử dụng và quản lý TKCK theo quy định của VTGS, và có trách nhiệm nộp, kê khai các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc VTGS tự động khấu trừ từ TKCK hoặc yêu cầu ngân hàng phong tỏa và khấu trừ các khoản thanh toán nêu trên;

- c) Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với VTGS theo HĐ mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để VTGS có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/ thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với VTGS;
- d) Tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định đầu tư, sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng thông tin, phân tích, tư vấn của VTGS chỉ mang tính chất tham khảo);
- e) Tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của VTGS có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK;
- f) Bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng sở hữu;
- g) Trực tiếp đến các địa điểm giao dịch của VTGS để chốt số dư tiền và/hoặc số dư chứng khoán trên TKCK hằng năm với VTGS chậm nhất trong vòng 30 ngày đầu tiên của năm tiếp theo. Quá thời hạn này, Khách hàng được coi như đã chấp nhận số dư trên TKCK và từ bỏ mọi quyền phản đối/thắc mắc/khiếu nại đối với các kết quả này;
- h) Ký/xác nhận công nợ với VTGS khi có yêu cầu từ VTGS, bên thứ ba có liên quan và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- i) Công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong trường hợp Khách hàng là hoặc sẽ là đối tượng phải công bố thông tin;
- j) Thông báo tới VTGS các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật;
- k) Cung cấp đầy đủ phiếu lệnh hợp lệ cho VTGS theo quy định hoặc theo yêu cầu của VTGS;
- l) Bảo mật tất cả các thông tin liên quan đến TKCK của Khách hàng. VTGS sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc thông tin của Khách hàng bị tiết lộ, trừ trường hợp do lỗi của VTGS.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của VTGS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của **Bộ ĐKĐK** và pháp luật, VTGS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

7.1 Quyền:

- a) Thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng.
- b) Được tạm khóa/phong tỏa một phần hoặc toàn bộ TKCK:
 - (i) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
 - (ii) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và VTGS; hoặc
 - (iii) Theo yêu cầu của chính Khách hàng.
- c) Được ghi tăng/giảm chứng khoán trên TKCK để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện;
- d) VTGS chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch của Khách hàng;
- e) Tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký sử dụng dịch vụ trên TKCK, đóng/đình chỉ hoạt động của TKCK hoặc hủy bỏ/thay đổi các dịch vụ Khách hàng đã đăng ký phù hợp với quy định của HĐ mở TKCK, quy định của VTGS và của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- f) Khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK, xử lý tài sản/chứng khoán trên TKCK hoặc yêu cầu ngân hàng thương mại nơi Khách hàng mở tài khoản thanh toán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với VTGS, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng VTGS để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng. Nếu số tiền và chứng khoán trên TKCK không đủ để thực hiện nghĩa vụ, VTGS có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện bổ sung đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có);
- g) Cung cấp thông tin liên quan đến TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu;
- h) VTGS không chịu trách nhiệm trong trường hợp giao dịch của Khách hàng bị cản trở, chậm trễ, sai sót, không thể thực hiện bởi sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn như: động đất, cháy nổ, bão, lũ lụt) và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát của VTGS.

7.2 Nghĩa vụ:

- a) Quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính VTGS;
- b) Công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch;
- c) Cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu;
- d) Tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK;
- e) Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc Khách hàng và VTGS có thỏa thuận khác;
- f) Lưu giữ hồ sơ, bảo mật và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch và TKCK theo yêu cầu của Khách hàng và theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Thông báo

- 8.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho VTGS bằng cách chuyển trực tiếp hoặc qua dịch vụ chuyển phát đến địa điểm giao dịch của VTGS theo địa chỉ được công bố trên Website VTGS trong từng thời kỳ.
- 8.2 VTGS có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển trực tiếp hoặc qua dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ ghi trên HĐ mở TKCK hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VTGS. VTGS cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử và/hoặc thông báo trên Website VTGS. VTGS cũng có thể sử dụng các hình thức thông báo khác được VTGS cho là phù hợp và không trái quy định của pháp luật.
- 8.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công:
 - a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;

- b) Nếu gửi qua tin nhắn, tại thời điểm gửi tin nhắn thành công (không có thông báo lỗi từ nhà cung cấp dịch vụ);
 - c) Nếu gửi qua thư điện tử, tại thời điểm gửi thư điện tử thành công (không có thông báo lỗi từ nhà cung cấp dịch vụ);
 - d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm đơn vị chuyển phát xác nhận đã gửi thư.
- 8.4 VTGS và Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho nhau qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của **Phần C** “Điều khoản Điều kiện về Giao dịch trực tuyến”.
- 8.5 VTGS không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào Khách hàng không duy trì những thông tin liên lạc (bao gồm nhưng không giới hạn: Số điện thoại, Thư điện tử, địa chỉ) đã đăng ký và/hoặc không cung cấp kịp thời khi có sự thay đổi thông tin liên lạc dẫn đến việc thông báo bị thất lạc hoặc không đến được người nhận hoặc Khách hàng từ chối nhận thông báo từ VTGS. Trong những trường hợp đó, phần lỗi hoàn toàn thuộc về Khách hàng.

Điều 9: Sửa đổi

- 9.1 VTGS có quyền sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ ĐKĐK miễn là các thay đổi này được VTGS công bố trên Website VTGS và/hoặc thông báo cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do VTGS lựa chọn tại từng thời điểm như: gửi thư điện tử, gửi thư về địa chỉ liên hệ, nhắn tin, gọi điện thoại qua số điện thoại mà Khách hàng đã đăng ký, thông báo trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến của VTGS hoặc bất kỳ phương thức nào khác trước khi thay đổi có hiệu lực. Nếu Khách hàng không có ý kiến phản đối trước thời điểm các thay đổi này có hiệu lực hoặc tiếp tục sử dụng TKCK và các dịch vụ giao dịch chứng khoán sau ngày mà các thay đổi có hiệu lực thì Khách hàng mặc nhiên được xem là chấp thuận các thay đổi đó và đồng ý tiếp tục thực hiện HĐ mở TKCK theo các điều khoản, điều kiện mới.
- 9.2 Các công bố, thông báo, văn bản sửa đổi, bổ sung Bộ ĐKĐK (nếu có) sẽ cấu thành một bộ phận không thể tách rời của HĐ mở TKCK này và có giá trị ràng buộc các bên.

Điều 10: Cam kết của Khách hàng và VTGS

- 10.1 VTGS phải bồi thường cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc VTGS có hành vi vi phạm HĐ mở TKCK.
- 10.2 Khách hàng phải bồi thường và bồi hoàn cho VTGS (hoặc bên thứ ba do VTGS chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà VTGS (hoặc bên thứ ba đó) thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại VTGS hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm HĐ mở TKCK.
- 10.3 VTGS được miễn trách nhiệm với Khách hàng nếu không thực hiện một hành động mà theo đánh giá của VTGS, việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.
- 10.4 VTGS không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. VTGS cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của VTGS.
- 10.5 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào Lệnh, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu VTGS thực hiện Lệnh.
- 10.6 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do VTGS thực hiện theo Lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt Lệnh được Khách hàng và VTGS thoả thuận tại HĐ mở TKCK.
- 10.7 Khách hàng và người được Khách hàng ủy quyền có trách nhiệm theo dõi tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do VTGS cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền từ khách hàng) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới VTGS trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh giao dịch hoặc từ ngày diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. VTGS không có trách nhiệm đối với các giao dịch nào được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng HĐ mở TKCK và đã được xác minh là do lỗi của VTGS.
- 10.8 Trường hợp Khách hàng là tổ chức, Khách hàng cam kết:
- a) Nội dung và việc ký HĐ mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng;
 - b) Trường hợp Khách hàng thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (bao gồm nhưng không giới hạn: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất), Khách hàng cam kết và chấp nhận pháp nhân hình thành sau khi hoàn thành việc tổ chức lại doanh nghiệp phải kế thừa và tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của Khách hàng theo HĐ mở TKCK này.
- 10.9 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã tìm hiểu, nắm bắt, tuân thủ các quy định của pháp luật và của VTGS liên quan đến việc giao dịch chứng khoán, sử dụng TKCK và các quy định về phòng, chống rửa tiền.

Điều 11: Hiệu lực, chấm dứt và thanh lý

- 11.1 HĐ mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thoả thuận bằng văn bản giữa Khách hàng và VTGS, quyền và nghĩa vụ của các bên sau khi chấm dứt sẽ được thực hiện theo nội dung văn bản thoả thuận đó.
- 11.2 VTGS có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK trong các trường hợp sau:
- a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại VTGS. Để làm rõ, VTGS có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) chấm dứt HĐ mở TKCK trong trường hợp này;
 - b) VTGS phải chấm dứt HĐ mở TKCK theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - c) Khách hàng vi phạm HĐ mở TKCK hoặc quy định của VTGS trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 ngày kể từ ngày VTGS gửi thông báo vi phạm bằng văn bản cho Khách hàng;
 - d) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho VTGS;
 - e) Khách hàng chết, bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích hoặc có dấu hiệu khó khăn nghiêm trọng về tài chính; Khách hàng là tổ chức có các khó khăn lớn về tài chính dẫn đến năng lực tài chính bị ảnh hưởng nghiêm trọng, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy phép hoạt động, bị giải thể, phá sản, có các hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán hoặc rửa tiền;
 - f) VTGS đề xuất sửa đổi HĐ mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;

- g) VTGS ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, bị giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
- h) VTGS thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của VTGS theo HĐ mở TKCK;
- i) VTGS gửi văn bản thông báo chấm dứt cho Khách hàng.

Khi xảy ra các trường hợp được quy định tại điểm b, c, e khoản này, VTGS có quyền chấm dứt HĐ mở TKCK ngay lập tức. Đối với các trường hợp còn lại, VTGS có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK khi gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng trước 07 ngày (tính từ ngày chấm dứt HĐ mở TK).

- 11.3 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK nếu VTGS vi phạm HĐ mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 ngày kể từ ngày VTGS nhận được thông báo vi phạm bằng văn bản từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VTGS. HĐ mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo.

Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt HĐ mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VTGS. HĐ mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo.

- 11.4 Cho dù HĐ mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, Khách hàng và VTGS sẽ cùng nhau tiến hành thủ tục thanh lý để cho phép:

- a) VTGS chuyển giao tiền và tài sản còn trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với VTGS hoặc bên thứ ba (thông qua VTGS));
- b) VTGS đóng TKCK.

HĐ mở TKCK chỉ được coi là thanh lý xong khi các bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của mình phát sinh từ và/hoặc liên quan đến HĐ mở TKCK này.

- 11.5 Ngay cả trong trường hợp HĐ mở TKCK được chấm dứt, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với VTGS theo HĐ mở TKCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn tất khi Khách hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đó với VTGS.
- 11.6 Trừ khi Khách hàng và VTGS có thỏa thuận khác, việc chấm dứt HĐ mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Khách hàng và VTGS phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều 12 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi HĐ mở TKCK chấm dứt.

Điều 12: Bảo mật và sử dụng thông tin

- 12.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký và nội dung HĐ mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp hoặc (iii) nhằm mục đích tuân thủ quy định nội bộ của VTGS.
- 12.2 Khách hàng đồng ý và cho phép VTGS lưu giữ và xử lý thông tin về Khách hàng (trong đó có thông tin về tài khoản, tài sản và giao dịch) mà VTGS nhận được liên quan đến hoặc theo HĐ mở TKCK này (gọi chung là “**thông tin**”). VTGS sẽ lưu giữ thông tin ở chế độ bảo mật và chỉ tiết lộ trong phạm vi cho phép bởi HĐ mở TKCK.
- 12.3 Khách hàng đồng ý và cho phép VTGS sử dụng, lưu trữ, chia sẻ, gửi đi (kể cả ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của VTGS) và trao đổi thông tin với người khác mà VTGS thấy cần thiết:
- a) Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả cho VSDC, các SGDCK, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho VTGS);
 - b) Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua VTGS;
 - c) Để tuân thủ pháp luật Việt Nam;
 - d) Liên quan đến hoạt động hợp pháp của VTGS nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung;
 - e) Nhằm thực hiện nghĩa vụ của VTGS với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);
 - f) Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro;
 - g) Khi cung cấp thông tin cho bên thứ ba (ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, UBCKNN, VSDC, các SGDCK hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền), VTGS sẽ nỗ lực để bảo đảm bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

Điều 13: Luật điều chỉnh

HĐ mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 14: Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến HĐ mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm giải quyết tranh chấp là tại thành phố Hồ Chí Minh, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

B. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

Điều 15: Giải thích từ ngữ

Trong **Phần B** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 15.1 **Ứng trước tiền bán chứng khoán (ÚTTB):** Là dịch vụ mà VTGS hỗ trợ vốn giúp Khách hàng nhận tiền ngay sau khi khớp lệnh bán chứng khoán mà không cần chờ tiền bán về TKCK. Khách hàng cam kết hoàn trả đầy đủ cho VTGS số tiền ứng trước và phí ứng trước theo quy định của VTGS tùy từng thời điểm. VTGS có quyền thụ hưởng tiền bán chứng khoán mà không cần bất kỳ sự đồng ý nào khác từ Khách hàng.
- 15.2 **Lệnh bán:** Là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho VTGS để bán chứng khoán.
- 15.3 **Lệnh mua:** Là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho VTGS để mua chứng khoán.
- 15.4 **Khớp lệnh:** Là việc Lệnh bán/Lệnh mua được đưa vào hệ thống giao dịch của SGDCK và đã được khớp lệnh thành công.

- 15.5 **Tiền bán chứng khoán:** là số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh bán có liên quan sau khi đã trừ các khoản phí, thuế giao dịch có liên quan.
- 15.6 **Phí ứng trước:** Là khoản phí Khách hàng phải trả cho VTGS do sử dụng dịch vụ U'TTB theo biểu phí do VTGS quy định trong từng thời kỳ.
- 15.7 **Số tiền ứng trước:** Là số tiền VTGS chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu U'TTB thủ công của Khách hàng và/hoặc U'TTB tự động.
- 15.8 **U'TTB thủ công:** Là sau khi Lệnh bán được báo Khớp lệnh đến trước ngày tiền về TKCK, Khách hàng có nhu cầu ứng tiền để tăng tiền trong TKCK hoặc để rút tiền/chuyển khoản tiền ra khỏi TKCK, Khách hàng sẽ phải thực hiện yêu cầu U'TTB trực tuyến/quia điện thoại hoặc trực tiếp tại quầy giao dịch của VTGS.
- 15.9 **U'TTB tự động:** Là sau khi Lệnh bán được báo Khớp lệnh đến trước ngày tiền về TKCK, giá trị tiền bán chứng khoán (sau khi đã trừ phí, thuế, Phí ứng trước, tiền thiếu của Lệnh mua chờ khớp, đã khớp, nợ ứng trước, số tiền tương ứng với tỷ lệ giữ lại tiền bán chứng khoán ...) sẽ được tự động cộng vào số tiền có thể mua/số tiền có thể rút của Khách hàng và Khách hàng có thể thực hiện các Lệnh mua tiếp theo, rút tiền nếu có nhu cầu. VTGS sẽ tự động thực hiện giải ngân ứng trước vào TKCK số tiền đúng bằng số tiền còn thiếu và Phí ứng trước để thanh toán cho các nghĩa vụ thanh toán:
- (i) Lệnh mua khớp theo kết quả giao dịch và/hoặc
 - (ii) Theo số tiền Khách hàng rút.

Điều 16: Điều kiện và cách thức thực hiện

- 16.1 Khi mở TKCK, Khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ U'TTB của VTGS. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng, VTGS có quyền nhưng không có nghĩa vụ U'TTB cho Khách hàng.
- 16.2 VTGS có thể tự động U'TTB trên TKCK nếu Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với VTGS, kể cả nghĩa vụ phải thanh toán trên tài khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- 16.3 Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Tiền bán chứng khoán.
- 16.4 Bằng việc gửi yêu cầu U'TTB và phụ thuộc vào việc được VTGS thực hiện ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng chuyển giao vô điều kiện cho VTGS quyền nhận Tiền bán chứng khoán có liên quan để bù trừ nghĩa vụ Khách hàng hoàn trả cho VTGS toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước.

Điều 17: Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 17.1 Gửi yêu cầu U'TTB khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều 16.
- 17.2 Đồng ý để VTGS được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước và cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc VTGS khấu trừ tiền từ TKCK. Trường hợp TKCK của Khách hàng không đủ để thanh toán các khoản nợ, Khách hàng sẽ nộp tiền theo yêu cầu của VTGS để thanh toán nợ. Nếu Khách hàng không nộp đủ tiền và đúng thời hạn theo yêu cầu, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho VTGS toàn quyền quyết định việc bán chứng khoán trên TKCK để thu hồi nợ. Nếu Khách hàng không có số dư chứng khoán hoặc sau khi bán VTGS vẫn chưa thu hồi hết nợ, VTGS có quyền thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết khác để thu hồi nợ.
- 17.3 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán hoặc kết quả khớp lệnh bị hủy theo thông báo của VSDC/SGDCK vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho VTGS toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của VTGS.

Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của VTGS

- 18.1 Tự động khấu trừ từ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc U'TTB mà không cần có lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.
- 18.2 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán hoặc kết quả khớp lệnh bị hủy theo thông báo của VSDC/SGDCK vì bất kỳ lý do nào thì VTGS được toàn quyền chủ động phong tỏa toàn bộ tiền, chứng khoán có trên TKCK và chủ động xử lý số tiền/chứng khoán đó để thu hồi toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả. Trường hợp cần bán chứng khoán thì VTGS được thực hiện bán toàn bộ hoặc một phần chứng khoán trên TKCK tại mọi mức giá để thu hồi toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả trong các phiên giao dịch tiếp theo ngay sau khi nhận được thông báo Lệnh bán bị hủy giao dịch/hủy thanh toán.
- 18.3 Đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu VTGS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho VTGS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của VTGS.

Điều 19: Quy định khác

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ U'TTB có thể thực hiện qua nguồn của VTGS hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ **Phần B** này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc U'TTB.

C. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

Điều 20: Giải thích từ ngữ

Trong **Phần C** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 20.1 **Giao dịch trực tuyến:** Là các giao dịch trên TKCK được thực hiện phù hợp với Dịch vụ giao dịch trực tuyến do VTGS cung cấp và quy định của pháp luật thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, fax, internet, tin nhắn, thư điện tử hoặc các phương tiện điện tử khác.
- 20.2 **Dịch vụ giao dịch trực tuyến:** Là các dịch vụ do VTGS cung cấp cho Khách hàng để thực hiện các giao dịch trực tuyến.
- 20.3 **Chấp thuận điện tử:** Là yêu cầu, chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách hàng gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến tổng đài giao dịch qua điện thoại.
- 20.4 **Tổng đài giao dịch qua điện thoại (Tổng đài):** Là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi của VTGS.
- 20.5 **Chữ ký số:** Là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số.
- 20.6 **Hệ thống Giao dịch trực tuyến:** Là tập hợp các Ứng dụng thiết bị điện tử, Website giao dịch, Tổng đài và hệ thống khác được VTGS sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên Hệ thống thông qua mạng internet hoặc qua điện

thoại.

- 20.7 **Tên đăng nhập:** Là dãy ký tự do VTGS cung cấp cho Khách hàng để sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- 20.8 **Mật khẩu:** Là mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (OTP), khóa token (token key), mã xác thực, mã PIN, đặc điểm sinh trắc học (vân tay, móng mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác VTGS cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.
- 20.9 **Website giao dịch:** Là phần của Website VTGS mà Khách hàng có thể truy cập vào TKCK để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 20.10 **Hợp đồng điện tử:** Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản khác được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến (trừ Tổng đài).
- 20.11 **Lệnh điện tử:** Là lệnh do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài. Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).
- 20.12 **Thao tác/giao dịch trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến** gồm:
- Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
 - Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
 - Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử;
 - Xem, từ chối hay ký kết Hợp đồng điện tử; và
 - Các thao tác khác có trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 20.13 **Thông điệp dữ liệu:** Là thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến, qua điện thoại hoặc tin nhắn đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử.
- 20.14 **Ứng dụng thiết bị điện tử:** Là ứng dụng, phần mềm do VTGS hoặc đối tác của VTGS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của VTGS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến thông qua mạng internet.

Điều 21: Đối tượng điều chỉnh

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; (iv) ký kết và chuyển giao Hợp đồng điện tử và (v) thực hiện các thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. **Phần C** này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

Điều 22: Quan hệ với thỏa thuận khác

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa VTGS và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của **Phần C** này. Nếu có sự không thống nhất giữa **Phần C** này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của **Phần C** này thì **Phần C** này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 23: Hệ thống Giao dịch trực tuyến

- 23.1 Hệ thống Giao dịch trực tuyến sẽ được VTGS công bố công khai trên Website VTGS hoặc theo cách khác trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên HĐ mở TKCK.
- 23.2 Trừ khi Khách hàng và VTGS có thỏa thuận khác trong phần khác của HĐ mở TKCK, bằng **Phần C** này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được VTGS đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài phải được thực hiện từ Số điện thoại Khách hàng đã đăng ký tại mục thông tin Khách hàng của HĐ mở TKCK.
- 23.3 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài.

Điều 24: Nhận và gửi thông tin

- 24.1 **Nhận thông tin:**
- Mọi Thông điệp dữ liệu từ VTGS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua VTGS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:
 - Gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến); hoặc
 - Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư điện tử được gửi thành công (không có báo lỗi từ nhà cung cấp dịch vụ)).
 - Mật khẩu mà VTGS cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.
 - VTGS cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, VTGS phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để Khách hàng lưu giữ.

24.2 Xem và đọc thông tin:

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến thay cho việc VTGS cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến như vậy có giá trị pháp lý như việc VTGS cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật).

24.3 **Gửi thông tin:**

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho VTGS hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua VTGS qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến.

24.4 **Giá trị của thông tin**

- a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng Thông điệp dữ liệu;
- b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của Khách hàng và VTGS yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;
- c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc và có giá trị dùng làm chứng cứ.

Điều 25: Giao kết, chuyển giao và thực hiện Hợp đồng điện tử

- 25.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết khi các bên thực hiện đầy đủ các thao tác trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến phải được xác thực theo quy định tại Điều 27.
- 25.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều 24.
- 25.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:
 - a) Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến; Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc
 - b) Hình thức khác được Khách hàng và VTGS thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 25.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc hệ thống khác của VTGS.
- 25.5 Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều 25 này có giá trị pháp lý đầy đủ như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

Điều 26: Đặt lệnh và gửi Chấp thuận điện tử

- 26.1 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến. Thời điểm Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 26.2 Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của VTGS hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài, Khách hàng phải gửi lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.
- 26.3 Nếu Khách hàng đăng ký và được VTGS chấp thuận (hoặc Khách hàng và VTGS có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.
- 26.4 VTGS chỉ thực hiện Lệnh điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều 27 dưới đây.
- 26.5 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và VTGS.
- 26.6 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với VTGS hay đối tác có liên quan.
- 26.7 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho VTGS phù hợp với Điều 26 này:
 - a) Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;
 - b) VTGS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho VTGS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên);
 - c) Nếu VTGS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì VTGS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi VTGS và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và
 - d) VTGS không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà VTGS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán).

Điều 27: Quy định về xác thực

- 27.1 Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử, VTGS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên.
- 27.2 Khách hàng phải lựa chọn giải pháp xác thực do VTGS cung cấp khi mở TKCK có liên quan và đăng ký sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và được đăng ký lại giải pháp xác thực khi có nhu cầu. Nếu Khách hàng không đăng ký thì VTGS được ấn định giải pháp xác thực áp dụng cho Khách hàng.
- 27.3 Hợp đồng điện tử chỉ được coi là giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều 26 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống Giao dịch trực tuyến (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống Giao dịch trực tuyến và gửi cho Khách hàng như OTP hay mã xác thực). Quy định này cũng áp dụng tương tự cho việc gửi và thực hiện Lệnh điện tử.

Điều 28: Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng và VTGS**28.1 Quyền và nghĩa vụ của VTGS:**

- a) Xây dựng Hệ thống Giao dịch trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật để thực hiện Giao dịch trực tuyến, cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến;
- b) Lưu trữ toàn bộ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng theo đúng quy định của pháp luật;
- c) Có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống Giao dịch trực tuyến mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo) (trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó);
- d) Được thu phí cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến theo mức phí công khai trên Website VTGS.
- e) Không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống Giao dịch trực tuyến mà:
 - (i) Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (ii) Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK;
 - (iii) Phát sinh do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với VTGS;
 - (iv) Phát sinh từ các rủi ro được nêu tại Điều 29;
 - (v) Phát sinh không do lỗi của VTGS đối với **Phần C** này.
- f) Được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống Giao dịch trực tuyến do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:
 - (i) Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của VTGS gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;
 - (ii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh giữa Khách hàng và VTGS hoặc giữa VTGS và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả SGDCK, VSDC, ngân hàng thương mại) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iii) VTGS phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính Khách hàng thực hiện;
 - (iv) Việc xác thực không thành công; hoặc
 - (v) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- g) Được gửi tin nhắn hoặc gọi đến Số điện thoại hoặc gửi Thư điện tử cho Khách hàng;
- h) VTGS không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống Giao dịch trực tuyến;
- i) Có thể đơn phương tạm ngừng hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ vì bất kỳ lý do gì sau khi VTGS thông báo trước tới Khách hàng thông qua một trong các hình thức do VTGS lựa chọn được quy định tại HĐ mở TKCK này khi VTGS thấy cần thiết;
- j) Chuyển chứng từ điện tử sang chứng từ giấy. Khách hàng cam kết hợp tác với VTGS trong việc hoàn thiện tính pháp lý của chứng từ bằng văn bản theo yêu cầu của VTGS và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- k) VTGS không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên hoặc thực hiện thành công các giao dịch trực tuyến của bất kỳ Khách hàng nào khi sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến;
- l) Kịp thời thông báo cho Khách hàng và nỗ lực tối đa trong thời gian sớm nhất để khắc phục sự cố khi xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến giao dịch trực tuyến của Khách hàng không thể thực hiện được;
- m) Tạm ngưng cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến để bảo trì, chỉnh sửa, nâng cấp Hệ thống Giao dịch trực tuyến;
- n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại **Phần C** này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật.

28.2 Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- a) Được cấp quyền sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị thu hồi theo toàn quyền quyết định của VTGS);
- b) Quản lý, theo dõi, kiểm soát, sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống Giao dịch trực tuyến;
- c) Không được sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến để thực hiện giao dịch trái pháp luật;
- d) Sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng thiết bị điện tử; Khách hàng có trách nhiệm cài đặt các phần mềm chống virus có uy tín trên các thiết bị điện tử này;
- e) Không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại/gây ảnh hưởng đến Hệ thống Giao dịch trực tuyến;
- f) Tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được VTGS chấp thuận rõ ràng bằng văn bản;
- g) Tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VTGS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất Mật khẩu hoặc thiết bị điện tử có cài đặt Hệ thống Giao dịch trực tuyến);
- h) Tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện

thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VTGS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi Thư điện tử;

- i) Thông báo cho VTGS ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử hay hệ thống khác thuộc Hệ thống Giao dịch trực tuyến; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi và/hoặc nhận Thư điện tử từ và/hoặc đến Thư điện tử;
- j) Thông báo ngay cho VTGS khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử hay ký kết Hợp đồng điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều 27;
- k) Bồi thường thiệt hại cho VTGS theo quy định của pháp luật phát sinh từ:
 - (i) Hành vi lừa dối của Khách hàng;
 - (ii) Hành vi vi phạm **Phần C** này của Khách hàng;
 - (iii) Hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống Giao dịch trực tuyến; hoặc
 - (iv) Hành vi sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến cho các giao dịch hay hoạt động trái pháp luật.
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại **Phần C** này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với VTGS và theo quy định của pháp luật.

Điều 29: Công bố rủi ro

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống Giao dịch trực tuyến, Số điện thoại và Thư điện tử luôn tồn tại những rủi ro tiềm ẩn và Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại phát sinh khi sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến):

- 29.1 Rủi ro tắc nghẽn/gián đoạn hệ thống mạng: trong khi truyền tải qua mạng internet, lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu.
- 29.2 Rủi ro hệ thống bị tấn công trái phép: Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống Giao dịch trực tuyến, mạng nội bộ của VTGS hoặc mạng kết nối giữa VTGS và Khách hàng và bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công.
- 29.3 Rủi ro từ lỗi ứng dụng/phần mềm: Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống Giao dịch trực tuyến hoặc mạng nội bộ của VTGS hoặc mạng kết nối giữa VTGS và Khách hàng và bên thứ ba có liên quan.
- 29.4 Rủi ro con người: rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của người khác đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK.
- 29.5 Rủi ro từ việc nhận dạng Khách hàng có thể không chính xác, lỗi về bảo mật có thể xảy ra.
- 29.6 Giá cả thị trường và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch.
- 29.7 Những rủi ro có thể xảy ra của phương thức xác thực đặt lệnh cho Khách hàng.
- 29.8 Bất cứ giao dịch nào được thực hiện ngoài ý muốn của Khách hàng do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch đã đăng ký với VTGS, do sai sót trong quá trình Khách hàng thao tác với các thiết bị (nhập sai dữ liệu, gõ nhầm ...).
- 29.9 Đường truyền kết nối từ VTGS đến các SGDCK, VSDC, ngân hàng thương mại bị đứt kết nối do các nguyên nhân từ phía nhà cung cấp hoặc do sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

D. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 30: Giải thích từ ngữ

Trong **Phần D** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 30.1 **Dữ liệu cá nhân:** Là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể, bao gồm: dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 30.2 **Dữ liệu cá nhân cơ bản:** Là dữ liệu cá nhân phản ánh các yếu tố nhân thân, lai lịch phổ biến, thường xuyên sử dụng trong các giao dịch, quan hệ xã hội, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành.
- 30.3 **Dữ liệu cá nhân nhạy cảm:** Là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân, khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành.
- 30.4 **Xử lý dữ liệu cá nhân:** Là hoạt động tác động đến dữ liệu cá nhân, bao gồm một hoặc nhiều hoạt động như sau: thu thập, phân tích, tổng hợp, mã hóa, giải mã, chỉnh sửa, xóa, hủy, khử nhận dạng, cung cấp, công khai, chuyển giao dữ liệu cá nhân và hoạt động khác tác động đến dữ liệu cá nhân.
- 30.5 **Bảo vệ dữ liệu cá nhân:** Là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp để phòng, chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân.
- 30.6 **Chủ thể dữ liệu cá nhân:** Là người được dữ liệu cá nhân phản ánh.
- 30.7 **Bên thứ ba:** Là tổ chức, cá nhân ngoài VTGS và chủ thể dữ liệu cá nhân.

Điều 31: Quyền và nghĩa vụ của Chủ thể dữ liệu cá nhân

- 31.1 Quyền:
 - a) Được biết về hoạt động Xử lý dữ liệu cá nhân;
 - b) Đồng ý hoặc không đồng ý, yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép Xử lý dữ liệu cá nhân;
 - c) Xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa Dữ liệu cá nhân;
 - d) Yêu cầu cung cấp, xóa, hạn chế Xử lý dữ liệu cá nhân; gửi yêu cầu phản đối Xử lý dữ liệu cá nhân;
 - e) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
 - f) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến Xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật.
- 31.2 Nghĩa vụ:

- a) Tự Bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình;
 - b) Tôn trọng, Bảo vệ dữ liệu cá nhân của người khác;
 - c) Cung cấp đầy đủ, chính xác Dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật, theo hợp đồng hoặc khi đồng ý cho phép Xử lý dữ liệu cá nhân của mình;
 - d) Chấp hành pháp luật về Bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia phòng, chống hoạt động xâm phạm Dữ liệu cá nhân;
 - e) Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh Dữ liệu cá nhân, Chủ thể dữ liệu cá nhân và/hoặc bên có liên quan có trách nhiệm liên hệ và thông báo ngay cho VTGS để VTGS thực hiện cập nhật kịp thời những thay đổi, điều chỉnh đó. Chủ thể dữ liệu cá nhân và/hoặc bên có liên quan sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ đối với việc chậm trễ thông báo này và sẽ miễn trừ cho VTGS khỏi mọi thiệt hại, rủi ro phát sinh (nếu có).
- 31.3 Vì mục đích bảo mật, Chủ thể dữ liệu cá nhân có thể cần phải đưa ra yêu cầu của mình bằng văn bản hoặc sử dụng phương pháp khác để chứng minh và xác thực danh tính của Chủ thể dữ liệu cá nhân. VTGS có thể yêu cầu Chủ thể dữ liệu cá nhân xác minh danh tính trước khi xử lý yêu cầu của Chủ thể dữ liệu cá nhân.
- 31.4 VTGS bằng sự nỗ lực hợp lý, sẽ thực hiện yêu cầu hợp pháp và hợp lệ từ Chủ thể dữ liệu cá nhân trong khoảng thời gian luật định kể từ khi nhận được yêu cầu hoàn chỉnh, hợp lệ và phí xử lý liên quan (nếu có) từ Chủ thể dữ liệu cá nhân, phụ thuộc vào quyền của VTGS khi được viện dẫn đến bất kỳ sự miễn trừ và/hoặc ngoại lệ nào theo quy định pháp luật.

Điều 32: Mục đích xử lý

- 32.1 VTGS có thể xử lý Dữ liệu cá nhân cho một hoặc nhiều mục đích sau đây:
- a) Xác minh tính chính xác, đầy đủ của các Dữ liệu cá nhân được cung cấp; xác định hoặc xác thực danh tính của Chủ thể dữ liệu cá nhân;
 - b) Thăm định hồ sơ pháp lý, khả năng tài chính và điều kiện đáp ứng của Chủ thể dữ liệu cá nhân đối với bất kỳ sản phẩm và dịch vụ nào do VTGS đề xuất hoặc cung cấp;
 - c) Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ do VTGS triển khai, phối hợp triển khai;
 - d) Nghiên cứu, khảo sát, quảng bá, thông tin về các sản phẩm/dịch vụ/chương trình khuyến mại/sự kiện, cập nhật thông tin;
 - e) Thông báo, liên hệ nhằm trao đổi, cung cấp thông tin, văn bản hoặc các tài liệu khác có liên quan đến giao dịch và việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tại VTGS;
 - f) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hoặc các loại báo cáo liên quan khác theo quy định pháp luật;
 - g) Bảo vệ lợi ích hợp pháp của VTGS và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, bao gồm và không giới hạn việc đề thu các khoản phí, lệ phí và/hoặc đề thu hồi bất kỳ khoản nợ nào, hay thực hiện các thủ tục khiếu kiện, khiếu nại hay theo bất kỳ thỏa thuận nào giữa Chủ thể dữ liệu cá nhân và VTGS;
 - h) Để đáp ứng, tuân thủ các yêu cầu, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định của pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ của VTGS;
 - i) Để đánh giá bất kỳ đề xuất nào liên quan đến quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ theo (những) hợp đồng giữa Chủ thể dữ liệu cá nhân với VTGS;
 - j) Cung cấp cho các bên cung cấp dịch vụ/đối tác của VTGS để thực hiện dịch vụ cho Chủ thể dữ liệu cá nhân và/hoặc VTGS;
 - k) Để phục vụ các mục đích khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTGS mà VTGS cho là phù hợp tại từng thời điểm.
- 32.2 VTGS sẽ yêu cầu sự cho phép từ Chủ thể dữ liệu cá nhân trước khi sử dụng Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân cho mục đích khác ngoài các mục đích đã được nêu tại **Phần D**.

Điều 33: Loại Dữ liệu cá nhân được thu thập

VTGS có thể cần phải và/hoặc được yêu cầu phải thu thập Dữ liệu cá nhân có liên quan đến Khách hàng.

Điều 34: Cách thức thu thập Dữ liệu cá nhân

- 34.1 Trực tiếp từ Chủ thể dữ liệu cá nhân trong quá trình tiếp xúc, làm việc, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của VTGS.
- 34.2 Khi Chủ thể dữ liệu cá nhân có sự truy cập, khai báo Dữ liệu cá nhân tại Website VTGS hoặc Hệ thống Giao dịch trực tuyến.
- 34.3 Từ các trao đổi, liên lạc với Chủ thể dữ liệu cá nhân qua thư điện tử, gọi qua Tổng đài, liên lạc điện tử hoặc bất kỳ phương tiện nào khác (bao gồm và không giới hạn cả các cuộc khảo sát, điều tra mà VTGS tiến hành hoặc có được).
- 34.4 Từ các tương tác hoặc các công nghệ thu thập dữ liệu tự động như cookies, plug-in, trình tự kết nối mạng xã hội của bên thứ ba hoặc bất kỳ công nghệ nào có khả năng theo dõi, thu thập Dữ liệu cá nhân trên các thiết bị hoặc trang tin điện tử đó.
- 34.5 Từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền như: UBCKNN, VSDC, các SGDCK hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.
- 34.6 Các nguồn được công khai như danh bạ điện thoại, thông tin quảng cáo/tờ rơi, các thông tin được công khai trên mạng...
- 34.7 Từ các nhà cung cấp, bên cung cấp dịch vụ, đối tác, bên liên kết và các bên thứ ba có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTGS;
- 34.8 Từ những nguồn khác mà Chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý việc chia sẻ/cung cấp Dữ liệu cá nhân, hoặc những nguồn mà việc thu thập được pháp luật yêu cầu hoặc cho phép.

Điều 35: Bảo vệ dữ liệu cá nhân thu được từ hoạt động ghi âm, ghi hình

VTGS sẽ có thể ghi âm, ghi hình và Xử lý dữ liệu cá nhân thu thập được từ camera quan sát tại các khu vực có lắp camera quan sát (bao gồm nhưng không giới hạn bởi khu vực văn phòng, khu vực ở hành lang, khu vực lối ra, ...) phù hợp với các yêu cầu đảm bảo an ninh trong hoạt động của VTGS và cho Chủ thể dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 36: Chia sẻ Dữ liệu cá nhân

- 36.1 VTGS sẽ không bán, trao đổi, cho thuê các thông tin cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân mà không có sự chấp thuận của Chủ thể dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để thực hiện các mục đích và hoạt động Xử lý dữ liệu cá nhân tại **PHẦN D** này, Chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý VTGS có thể tiết lộ Dữ liệu cá nhân của mình hoặc Dữ liệu cá nhân của các bên có liên quan, cho một hoặc các bên dưới đây:
- a) Nhân viên và phòng, bộ phận trong nội bộ VTGS;

- b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc các bên thứ ba mà VTGS được phép hoặc buộc phải cung cấp theo quy định pháp luật hoặc theo hợp đồng/thỏa thuận liên quan;
 - c) Bên thứ ba mà Chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý hoặc VTGS có cơ sở pháp lý để chia sẻ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân.
- 36.2 VTGS sẽ xem Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân là riêng tư và bảo mật. Ngoài các bên đã nêu ở trên, VTGS sẽ không tiết lộ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân cho bất kỳ bên nào khác, trừ các trường hợp:
- a) Khi có sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu cá nhân;
 - b) Khi VTGS chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo các thỏa thuận giữa Chủ thể dữ liệu cá nhân và VTGS hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37: Chuyển Dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

- 37.1 Nhằm thực hiện mục đích Xử lý dữ liệu cá nhân tại **Phần D** này, VTGS có thể phải chuyển Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân đến các bên thứ ba có liên quan và các bên thứ ba này có thể đặt trụ sở tại bất cứ địa điểm nào khác nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 37.2 Khi thực hiện chuyển Dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, VTGS sẽ yêu cầu bên tiếp nhận đảm bảo rằng Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân được chuyển giao cho họ sẽ bảo mật và an toàn. VTGS và bên tiếp nhận đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý và quy định liên quan đến việc bảo vệ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân.

Điều 38: Lưu trữ Dữ liệu cá nhân

- 38.1 Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân do VTGS lưu trữ sẽ được bảo mật bằng các biện pháp hợp lý.
- 38.2 VTGS lưu trữ Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành các mục đích được nêu tại **Phần D** này, trừ khi thời gian lưu trữ Dữ liệu cá nhân lâu hơn nếu được yêu cầu hoặc cho phép bởi Chủ thể dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 39: Hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra

- 39.1 Chủ thể dữ liệu cá nhân hiểu rằng việc cung cấp và chấp thuận cho VTGS Xử lý dữ liệu cá nhân sẽ luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của hệ thống, đường truyền, sự kiện bất khả kháng, virus, tấn công mạng hoặc lỗi phần cứng, phần mềm, các hành động, thao tác của Chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác ảnh hưởng đến việc cung cấp và Xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân... Các rủi ro có thể phát sinh như việc Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân có thể bị lộ hoặc bị đánh cắp bởi một bên khác dẫn đến việc các Dữ liệu cá nhân này có thể được sử dụng vào những mục đích không mong muốn hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát của VTGS và Chủ thể dữ liệu cá nhân gây ra những tổn thất cả về vật chất và tinh thần.
- 39.2. VTGS cố gắng đảm bảo tính bảo mật, an toàn, tuân thủ pháp luật, hạn chế các hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra.
- 39.3. VTGS thực hiện trách nhiệm bảo vệ Dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành với các phương pháp bảo mật tốt nhất theo quy định pháp luật và thường xuyên xem xét, cập nhật các biện pháp quản lý và kỹ thuật khi Xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân (nếu có).

Điều 40: Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc Xử lý dữ liệu cá nhân

Chủ thể dữ liệu cá nhân hiểu và đồng ý rằng, việc Dữ liệu cá nhân của mình được cung cấp cho VTGS (bao gồm và không giới hạn bởi các thông tin VTGS đã có trước, trong và sau khi chấp thuận **Phần D** này) chính là sự chấp nhận toàn phần của Chủ thể dữ liệu cá nhân cho phép VTGS sử dụng Dữ liệu cá nhân trong suốt quy trình tiếp nhận và Xử lý dữ liệu cá nhân, bắt đầu từ khi VTGS tiếp nhận thông tin cho đến khi có yêu cầu chấm dứt việc Xử lý dữ liệu cá nhân từ Chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc việc chấm dứt Xử lý dữ liệu cá nhân được VTGS thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 41: Thông tin liên hệ Xử lý dữ liệu cá nhân

Trường hợp Chủ thể dữ liệu cá nhân có bất kỳ thắc mắc, câu hỏi nào liên quan đến **Phần D** này, Chủ thể dữ liệu cá nhân vui lòng liên hệ theo thông tin được công bố trên Website VTGS để được giải đáp và hướng dẫn cụ thể.

Điều 42: Điều khoản về đồng ý và chấp thuận

- 42.1 Bằng việc ký HĐ mở TKCK, Chủ thể dữ liệu cá nhân được coi là đã chấp nhận toàn bộ **Phần D** này.
- 42.2 Trường hợp Chủ thể dữ liệu cá nhân rút lại sự đồng ý của mình, yêu cầu hạn chế/ xóa và/hoặc thực hiện các quyền có liên quan khác đối với Dữ liệu cá nhân của mình, VTGS có thể sẽ xem xét và quyết định không tiếp tục thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, đề nghị có sử dụng Dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cá nhân do không thể đảm bảo có đầy đủ thông tin/ theo quy định của VTGS, pháp luật. Trong trường hợp này, VTGS sẽ thông báo đến Chủ thể dữ liệu cá nhân về quyết định không tiếp tục thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, đề nghị ... có nêu rõ lý do. Mọi thiệt hại phát sinh đối với Chủ thể dữ liệu cá nhân và VTGS (nếu có) sẽ do Chủ thể dữ liệu cá nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 42.3 VTGS không thực hiện yêu cầu xóa dữ liệu của Chủ thể dữ liệu cá nhân nếu việc xóa dữ liệu dẫn đến vi phạm pháp luật.

Điều 43: Sửa đổi

- 43.1 VTGS có thể sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh các điều khoản của **Phần D** này tùy từng thời điểm và đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Thông báo về bất kỳ sự sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh nào sẽ được cập nhật, đăng tải trên Website VTGS và/hoặc thông báo đến Chủ thể dữ liệu cá nhân thông qua các phương tiện liên lạc khác mà VTGS cho là phù hợp.
- 43.2 Trong phạm vi được pháp luật hiện hành cho phép, việc Chủ thể dữ liệu cá nhân tiếp tục sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của VTGS đồng nghĩa với việc Chủ thể dữ liệu cá nhân/các bên có liên quan đồng ý với các nội dung của **Phần D** này.

E. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Điều 44: Giải thích từ ngữ

Trong **Phần E** này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 44.1 **Giao dịch ký quỹ (GDKQ):** Là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của VTGS, trong đó chứng khoán có được từ giao dịch này và các chứng khoán khác được GDKQ của Khách hàng được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên.
- 44.2 **Chứng khoán được phép GDKQ:** Là chứng khoán thuộc danh mục chứng khoán được phép GDKQ, đáp ứng các quy định của UBCKNN và quy định của VTGS trong từng thời kỳ.

- 44.3 **Dư nợ ký quỹ:** Là tổng số tiền Khách hàng nợ VTGS (bao gồm nhưng không giới hạn: Dư nợ gốc, Tiền lãi vay, các phí/giá dịch vụ) khi sử dụng dịch vụ GDKQ.
- 44.4 **Dư nợ gốc:** Là tổng số tiền VTGS giải ngân cho Khách hàng vay phù hợp với quy định tại **Phần E** này, chính sách của VTGS tại từng thời kỳ.
- 44.5 **Tài sản bảo đảm (TSBD):** Là toàn bộ chứng khoán được mua từ tiền vay của VTGS và các chứng khoán khác của Khách hàng, bao gồm và không giới hạn toàn bộ tài sản (hiện có và hình thành trong tương lai) trong **TKCK** của Khách hàng như tiền mặt, tiền bán chứng khoán, chứng khoán hiện có và đang chờ về, cổ tức đang chờ về, quyền mua cổ phiếu/trái phiếu.
- 44.6 **Giá trị của chứng khoán được phép ký quỹ:** Được tính theo giá tham chiếu/giá đóng cửa/hoặc giá điều chỉnh do phát sinh quyền (nếu có) tại ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó nhưng không vượt quá mức giá tối đa (giá chặn) do VTGS thông báo/quy định tùy từng thời điểm (nếu có).
- 44.7 **Tổng tài sản GDKQ trên TKGDKQ:** Bao gồm tiền, tiền bán chứng khoán chờ về cộng với giá trị chứng khoán được phép GDKQ (tính theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ) trên **TKGDKQ** của Khách hàng.
- 44.8 **Tài sản thực có** của Khách hàng trên **TKGDKQ** bằng **Tổng tài sản GDKQ trên TKGDKQ** trừ đi **Dư nợ ký quỹ**.
- 44.9 **Tỷ lệ ký quỹ ban đầu:** Là tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh GDKQ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu do VTGS quyết định trong từng thời điểm.
- 44.10 **Tỷ lệ ký quỹ hiện tại (R_t):** Là tỷ lệ giữa giá trị **Tài sản quy đổi** so với giá trị **Dư nợ quy đổi**.

Trong đó:

Tài sản quy đổi: = Giá trị của chứng khoán được phép ký quỹ x Tỷ lệ tính tài sản theo mã chứng khoán + Giá trị tài sản khác (được VTGS chấp nhận trong từng trường hợp).

Dư nợ quy đổi: = Dư nợ ký quỹ - Tiền mặt (nếu có) - Tiền bán chờ về có thể ứng (nếu có).

VTGS được quyền thay đổi công thức tính **Tài sản quy đổi** và **Dư nợ quy đổi** phù hợp với chính sách của VTGS trong từng thời kỳ.

- 44.11 **Tỷ lệ ký quỹ duy trì (R_{call}):** R_{call} do VTGS quyết định trong từng thời kỳ. Khi R_t giảm xuống dưới R_{call} , VTGS phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung.
- 44.12 **Tỷ lệ ký quỹ xử lý (R_{force}):** R_{force} do VTGS quyết định trong từng thời kỳ. Khi R_t giảm xuống dưới R_{force} , VTGS được toàn quyền bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trên TKGDKQ của Khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ **Dư nợ ký quỹ** để bảo đảm R_t lớn hơn hoặc bằng R_{call} mà không cần có sự chấp thuận của Khách hàng.
- 44.13 **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung:** là lệnh gọi yêu cầu bổ sung tài sản của VTGS vào bất kỳ thời điểm nào khi R_t của Khách hàng giảm xuống dưới R_{call} , Khách hàng phải bổ sung tài sản hoặc bán bớt chứng khoán hoặc bổ sung chứng khoán trong danh mục chứng khoán được phép GDKQ để đảm bảo R_t lớn hơn hoặc bằng R_{call} theo quy định của VTGS.
- 44.14 **Tiền lãi vay:** Là số tiền lãi được cộng dồn theo số ngày vay tính trên Dư nợ gốc.
- 44.15 **Giá chặn:** Là mức giá do VTGS quy định và được dùng làm cơ sở xác định mức giá cao nhất để tính Giá trị chứng khoán được phép ký quỹ và các chỉ số khác.
- 44.16 **Hạn mức cho vay:** Là tổng giá trị tối đa mà VTGS có thể giải ngân cho vay GDKQ áp dụng cho một Khách hàng do VTGS quy định trong từng thời kỳ.
- 44.17 **Sức mua:** là giá trị tối đa mà Khách hàng có thể đặt mua trên TKGDKQ do VTGS tính toán và xác định.
- 44.18 **Ngày giải ngân:** Là ngày VTGS chuyển tiền cho vay vào TKGDKQ của Khách hàng.
- 44.19 **Ngày vay thực tế:** Là số ngày được tính từ ngày giải ngân cho đến nhưng không bao gồm ngày Khách hàng trả nợ cho VTGS.
- 44.20 **Ngày quá hạn:** Là số ngày vượt quá thời hạn cho vay.

Điều 45: Điều kiện và nguyên tắc cho vay

Khách hàng được hiện GDKQ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- 45.1 Khách hàng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về GQKQ, theo quy định của VTGS, đáp ứng các quy định về TSBD, giá trị tài sản ròng tối thiểu trên TKGDKQ, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của VTGS. VTGS có thể thay đổi các quy định này trong từng thời kỳ;
- 45.2 Số tiền cho vay trong Hạn mức cho vay;
- 45.3 Trong bất kỳ trường hợp nào xét thấy có rủi ro, VTGS có quyền từ chối thực hiện các lệnh mua chứng khoán ký quỹ của Khách hàng;
- 45.4 Khách hàng phải duy trì đúng/đầy đủ các tỷ lệ/giá trị của TKGDKQ theo quy định của **Phần E** này. Cách tính R_t , các quy định về R_{call} , R_{force} có thể thay đổi theo quyết định của VTGS từng thời kỳ;
- 45.5 Chứng khoán Khách hàng mua thuộc danh sách chứng khoán được phép GDKQ do VTGS quy định. Danh sách này có thể thay đổi theo từng thời điểm theo quyết định đơn phương của VTGS;
- 45.6 Các điều kiện khác theo quy định tại **Phần E** này, các văn bản pháp luật liên quan và các thông báo của VTGS.

Điều 46: Quy định cho vay GDKQ

- 46.1 **Mục đích sử dụng tiền vay:** Khách hàng chỉ được phép sử dụng các khoản tiền vay cho GDKQ từ VTGS để mua chứng khoán trên TKGDKQ và những trường hợp được VTGS chấp thuận.
- 46.2 **Thời hạn cho vay:**
- Thời hạn của các khoản vay được quy định theo chính sách của VTGS trong từng thời kỳ;
 - Nếu ngày đến hạn của khoản vay rơi vào ngày nghỉ thì ngày đến hạn sẽ chuyển về ngày giao dịch liền trước;
 - VTGS có quyền (không phải nghĩa vụ) đồng ý/từ chối yêu cầu gia hạn thời hạn cho vay trên cơ sở văn bản đề nghị của Khách hàng hoặc qua phương thức giao dịch điện tử. Khách hàng phải chịu lãi suất gia hạn, phí gia hạn tùy theo chính sách của VTGS từng thời kỳ;
 - VTGS có thể xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn thời gian cho vay theo đề nghị của Khách hàng dựa trên nguồn vốn hiện có của VTGS và/hoặc khả năng thu hồi nợ của Khách hàng. Thời gian gia hạn (nếu có) sẽ theo quy định của VTGS trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Nếu VTGS chấp thuận cho Khách hàng gia hạn, VTGS sẽ toàn quyền chủ động quyết định số lần gia hạn, thời gian mỗi lần gia hạn

cũng như mức lãi suất cho vay; và các quy định khác có liên quan đến việc gia hạn cho vay để Khách hàng được giao dịch trên TKGDQ phù hợp với chính sách của VTGS. Nếu VTGS chủ động thay đổi thời hạn gia hạn dẫn tới việc Khách hàng phải hoàn trả Dư nợ gốc và Tiền lãi vay cho VTGS trước hạn, VTGS có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng trước ít nhất 03 ngày giao dịch bằng một trong các hình thức được quy định tại HĐ mở TKCK;

- f) Nếu VTGS không chấp thuận cho Khách hàng gia hạn thì Khách hàng phải thực hiện bán chứng khoán trên TKGDQ hoặc Khách hàng phải chuyển tiền vào TKGDQ để VTGS thu hồi nợ. Ngay sau ngày hết hạn cho vay mà Khách hàng chưa nộp tiền và/hoặc bán chứng khoán hoặc nộp tiền/hoặc bán chứng khoán chưa đủ để tất toán khoản vay thì VTGS có quyền nhưng không phải nghĩa vụ chủ động thu hồi nợ theo quy định tại **Điều 48**.

46.3 Hạn mức cho vay:

- a) Hạn mức cho vay đối với Khách hàng có thể được VTGS thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo trước với Khách hàng. Trong thời hạn hiệu lực của Hạn mức cho vay, Khách hàng đồng ý rằng:
- (i) Khách hàng có thể được giải ngân nhiều lần nhưng tổng Dư nợ gốc tại bất kỳ thời điểm nào cũng không vượt quá Hạn mức cho vay;
 - (ii) Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ đối với tất cả các Khách hàng sử dụng hình thức GDKQ có thể được VTGS thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng;
 - (iii) Vì bất cứ lý do gì, nếu Khách hàng có Dư nợ gốc vượt các Hạn mức cho vay theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định của VTGS, Khách hàng phải thanh toán phần chênh lệch ngay trong ngày hoặc Khách hàng phải đề nghị VTGS điều chỉnh Hạn mức cho vay. Việc điều chỉnh chỉ có hiệu lực khi VTGS đồng ý và/hoặc ký kết các văn bản xác nhận cần thiết. Trong mọi trường hợp, Khách hàng đương nhiên nhận nợ với toàn bộ các khoản tiền VTGS đã giải ngân, kể cả phần vượt đó (nếu có).
- b) Khách hàng không tiếp tục được vay GDKQ để mua chứng khoán khi đã đạt Hạn mức cho vay hoặc khi tổng nguồn vốn cho vay GDKQ của VTGS đã được sử dụng hết (mà không bắt buộc phải thông báo trước đến Khách hàng). Trong các trường hợp nêu tại khoản 46.3 Điều này, VTGS được miễn mọi trách nhiệm đối với Khách hàng.

46.4 Phương thức giải ngân:

Khi Khách hàng có lệnh mua chứng khoán được khớp nhưng không đủ số dư tiền trên TKGDQ để thanh toán lệnh mua thì Khách hàng mặc nhiên đề nghị VTGS giải ngân khoản tiền cho vay GDKQ theo nguyên tắc dưới đây:

- a) Căn cứ yêu cầu mua chứng khoán của Khách hàng trong lệnh mua tương ứng và/hoặc các trường hợp khác được VTGS chấp thuận giao dịch thành công, VTGS tự động chuyển tiền giải ngân vào TKGDQ được thể hiện bằng số dư tăng thêm của Dư nợ gốc trên TKGDQ, đồng thời là bằng chứng cho việc VTGS đã giải ngân để thanh toán theo yêu cầu của Khách hàng;
- b) Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và nhận nợ toàn bộ các khoản tiền cho vay GDKQ được giải ngân theo quy định trên đây và Khách hàng có nghĩa vụ hoàn trả cho VTGS toàn bộ số tiền VTGS đã giải ngân cho vay;
- c) Khách hàng ủy quyền cho VTGS lập văn bản xác nhận đối với các khoản Dư nợ gốc đã giải ngân của Khách hàng và được lưu trong hồ sơ giao dịch của Khách hàng. Khách hàng đương nhiên ghi nhận nghĩa vụ hoàn trả đối với Dư nợ gốc ghi trên văn bản do VTGS lập mà không cần có thêm bất cứ văn bản nào về việc xác nhận của Khách hàng.

Khách hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với VTGS về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.

Điều 47: Lãi suất cho vay

- 47.1 Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo ngày, hoặc theo năm (trên cơ sở 365 ngày/năm) được áp dụng từng thời kỳ do VTGS quy định. Khi có thay đổi lãi suất cho vay, VTGS sẽ công bố trên Website VTGS và/hoặc thông báo tới Khách hàng bằng một trong các hình thức được quy định tại HĐ mở TKCK;
- 47.2 Trường hợp lãi suất cho vay thay đổi thì mức lãi suất mới sẽ được tính trên Dư nợ gốc của Khách hàng tại thời điểm VTGS công bố thay đổi hoặc tính trên Dư nợ gốc phát sinh từ thời điểm VTGS công bố thay đổi tùy theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ;
- 47.3 Tiền lãi vay được tính được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi vay} = \text{Dư nợ gốc} \times \text{số ngày vay thực tế} \times \text{lãi suất cho vay (theo năm)} / 365 \text{ ngày}$$

- 47.4 Tổng Tiền lãi vay: Là tổng số tiền lãi áp dụng cho toàn bộ các khoản cho vay GDKQ từ ngày giải ngân tính đến ngày hoàn trả thực tế. Khách hàng đồng ý để VTGS được tính toán tổng Tiền lãi vay và đương nhiên công nhận số liệu do VTGS cung cấp;
- 47.5 Cách tính Tiền lãi vay có thể thay đổi theo quyết định của VTGS mà không phải thông báo cho Khách hàng. Khách hàng đồng ý rằng, bất kể kết quả giao dịch trên TKGDQ như thế nào (lãi/lỗ), Khách hàng sẽ hoàn trả đủ Dư nợ ký quỹ cho VTGS;
- 47.6 VTGS sẽ áp dụng lãi suất cho vay, lãi suất cho vay quá hạn theo thông báo tại từng thời kỳ;
- 47.7 Tiền lãi vay quá hạn được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi vay quá hạn} = \text{Dư nợ gốc quá hạn} \times \text{số ngày quá hạn} \times \text{lãi suất cho vay quá hạn (theo năm)} / 365 \text{ ngày}$$

Điều 48: Thu hồi Dư nợ ký quỹ

Nguyên tắc thu hồi Dư nợ ký quỹ có thể thay đổi theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ và mặc nhiên có hiệu lực đối với toàn bộ dư nợ của Khách hàng tại thời điểm thay đổi.

48.1 Thu hồi Dư nợ ký quỹ

- a) Thu hồi Dư nợ ký quỹ:
- (i) Dư nợ ký quỹ được thu ngay khi TKGDQ nhận được tiền do Khách hàng nộp/chuyển vào và/hoặc tiền bán chứng khoán nhận về (đã trừ phí giao dịch, thuế, nếu có), cổ tức/trái tức/trái phiếu đáo hạn bằng tiền đến hạn nhận về;
 - (ii) VTGS tự động lập bút toán thu Dư nợ ký quỹ từ TKGDQ và ghi giảm Dư nợ ký quỹ với giá trị tương ứng với phần đã thu. Nếu Dư nợ ký quỹ đã được thu hồi đủ, phần còn lại được ghi tăng vào tiền mặt trên TKGDQ.
- b) Thu hồi Dư nợ ký quỹ trước hạn:
- VTGS có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay GDKQ, thu hồi nợ Dư nợ ký quỹ trước hạn cũng như chấm dứt Điều

khoản Điều kiện về TKGDQK với Khách hàng trong các trường hợp sau:

- (i) Trường hợp quy định tại Điều 11 Hợp đồng này;
- (ii) Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của **Phần E** này và/hoặc cam kết đã ký với VTGS;
- (iii) Khách hàng không đồng ý thay đổi: Lãi suất cho vay, phí, các tỷ lệ liên quan đến TKGDQK... do VTGS quy định;
- (iv) VTGS thay đổi chiến lược kinh doanh hay do bất kỳ nguyên nhân nào khác; các trường hợp khác mà VTGS xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho VTGS.

Việc thu hồi Dư nợ ký quỹ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: thuế (nếu có), phí giao dịch/các khoản phải trả khác của Khách hàng (nếu có), chi phí xử lý TSBĐ, các khoản phí quá hạn, Dư nợ ký quỹ quá hạn, Dư nợ ký quỹ trong hạn. VTGS có quyền đơn phương thay đổi thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này mà không cần thông báo cho Khách hàng.

48.2 Chuyển Dư nợ gốc quá hạn

- a) Các trường hợp chuyển sang nợ quá hạn: toàn bộ Dư nợ gốc không thanh toán đầy đủ đúng hạn sẽ được tự động chuyển sang nợ quá hạn khi Khách hàng:
 - (i) Không được VTGS chấp nhận gia hạn Dư nợ gốc; hoặc
 - (ii) Không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản Dư nợ gốc, Tiền lãi vay, phí/giá dịch vụ (nếu có) theo đúng thời hạn quy định tại **Phần E** này; hoặc
 - (iii) Không thanh toán toàn bộ Dư nợ gốc và Tiền lãi vay theo đúng thời hạn được VTGS thông báo khi được yêu cầu trả Dư nợ gốc và Tiền lãi vay trước hạn;
 - (iv) Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của VTGS.
- b) Toàn bộ các Dư nợ gốc khi bị chuyển nợ quá hạn sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn và đồng thời bị xử lý TSBĐ theo quy định tại **Điều 50**;
- c) Thời điểm chuyển sang nợ quá hạn là tại ngày đến hạn Dư nợ gốc hoặc tại ngày được quy định thuộc một trong các trường hợp tại điểm a khoản 48.2 Điều này.

Điều 49: TSBĐ khoản vay GDKQ

49.1 Nghĩa vụ được bảo đảm và TSBĐ:

Để thực hiện đúng các nghĩa vụ được bảo đảm, Khách hàng cam kết không hủy ngang sử dụng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp và duy nhất để làm TSBĐ cho VTGS bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- a) Nghĩa vụ được bảo đảm: Là nghĩa vụ trả nợ GDKQ của Khách hàng cho VTGS (bao gồm: Dư nợ ký quỹ, cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác của Khách hàng phát sinh khi Khách hàng thực hiện GDKQ kể cả trong trường hợp **Phần E** này bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu);
- b) Giá trị TSBĐ: VTGS có quyền tính toán, đánh giá và xác định giá trị TSBĐ của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào theo giá trị thị trường hoặc theo mức giá do VTGS xác định. Khách hàng đồng ý việc đánh giá lại TSBĐ này của VTGS và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với VTGS;
- c) Ngoài các TSBĐ nêu trên, Khách hàng đồng ý dùng toàn bộ tiền, chứng khoán và các tài sản hợp pháp khác (tùy theo chính sách của VTGS) để bảo đảm cho các khoản vay tại VTGS. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, các tài sản này sẽ không được tính vào các tỷ lệ trên TKGDQK (trừ trường hợp VTGS có quy định khác) và giá trị bổ sung (mà chỉ để xử lý khi phát sinh các trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định tại **Phần E** này);
- d) Việc sử dụng tài sản của bên thứ ba hoặc các tài sản khác (ngoài tiền và chứng khoán trên TKCK của Khách hàng) để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng được thực hiện theo quy định từng thời kỳ của VTGS phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

49.2 Thời hạn bảo đảm:

Kể từ ngày sử dụng dịch vụ GDKQ cho đến khi Khách hàng thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả Dư nợ ký quỹ, và các nghĩa vụ khác (nếu có) phát sinh và/hoặc liên quan đến TKGDQK, TKCK của Khách hàng đối với VTGS và/hoặc bên thứ ba (nếu có).

49.3 Sử dụng và xử lý TSBĐ:

- a) TSBĐ được VTGS sử dụng, xử lý để thanh toán các khoản vay mà Khách hàng phải trả cho VTGS gồm Dư nợ ký quỹ, và các nghĩa vụ khác của Khách hàng;
- b) Trong thời hạn bảo đảm khoản vay, Khách hàng có thể bán một phần hoặc toàn bộ TSBĐ để rút tiền hoặc mua chứng khoán khác nếu đảm bảo các tỷ lệ ký quỹ theo quy định;
- c) Khách hàng được quyền rút/chuyển khoản tiền và chứng khoán khi Khách hàng đã thực hiện toàn bộ và đầy đủ các nghĩa vụ hoàn trả Dư nợ ký quỹ, trả phí, trả tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác (nếu có). Các trường hợp khác (nếu có) phải tuân thủ theo quy định của VTGS.
- d) Khách hàng đồng ý rằng khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của Điều này, lệnh đặt bán chứng khoán của VTGS sẽ được ưu tiên và Khách hàng cho phép VTGS sửa/hủy lệnh đặt bán chứng khoán của Khách hàng đã đặt trong cùng ngày giao dịch nếu có sự khác nhau giữa giá bán của các lệnh. Khách hàng mặc nhiên đồng ý rằng giá trị bán khớp lệnh có thể lớn hơn giá trị cần bán do giá đặt lệnh khác so với giá khớp lệnh thực tế.

49.4 Nguyên tắc xử lý TSBĐ:

- a) Các trường hợp xử lý:
 - (i) Khách hàng vi phạm các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK;
 - (ii) VTGS thu hồi Dư nợ ký quỹ trước hạn;
 - (iii) Khách hàng không thanh toán Dư nợ ký quỹ đúng hạn;
 - (iv) Thực hiện các nghĩa vụ khác của Khách hàng với VTGS; hoặc
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện xử lý:

Ngay khi phát sinh các trường hợp được quy định tại **điểm a khoản 49.4 Điều này**, Khách hàng chấp nhận vô điều kiện và cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại hay khiếu kiện nào đối với việc xử lý TSBĐ của VTGS như sau:

- (i) TSBĐ sẽ bị xử lý để thu hồi nợ, thực hiện các nghĩa vụ được bảo đảm tại bất cứ thời điểm nào trong giờ giao dịch do VTGS quyết định mà không cần phải có sự chấp thuận của Khách hàng;
- (ii) Thu số dư tiền khả dụng đang có trên TKGDKQ và/hoặc tự động bán giải chấp một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của bất kỳ loại chứng khoán nào có trên TKGDKQ mà không cần có sự chấp thuận của Khách hàng để thu hồi nợ. Mã chứng khoán, giá bán, số lượng, thời điểm bán, hình thức giao dịch, đối tượng giao dịch do VTGS quyết định. Chứng từ liên quan đến việc bán chứng khoán trên TKGDKQ sẽ đương nhiên có giá trị pháp lý mà không cần có xác nhận của Khách hàng;
- (iii) Nếu VTGS bán giải chấp chứng khoán trên TKGDKQ, Khách hàng mặc nhiên (i) ủy quyền cho VTGS thực hiện ứng trước khoản tiền bán chứng khoán ngay trong ngày giao dịch để trả nợ vay cho VTGS, (ii) chấp nhận và đồng ý thanh toán khoản phí ứng trước và các khoản thuế, phí liên quan khác theo quy định cho VTGS;
- (iv) Khách hàng đồng ý rằng nếu bán hết chứng khoán trên TKGDKQ mà vẫn không đủ để trả hết các khoản Dư nợ ký quỹ và các nghĩa vụ nợ khác của Khách hàng phát sinh trên TKGDKQ và/hoặc TKGDKQ không có chứng khoán được phép giao dịch, bị mất thanh khoản không bán được (hoặc bán được với số lượng ít theo đánh giá của VTGS) thì VTGS được toàn quyền nhưng không phải nghĩa vụ khấu trừ các khoản tiền và/hoặc bán bất kỳ loại chứng khoán nào trên TKCK của Khách hàng để thu hồi nợ;
- (v) Trường hợp VTGS xử lý tài sản trên **TKCK và/hoặc Tài khoản/Tiểu khoản giao dịch khác**, VTGS được toàn quyền chuyển khoản một phần hoặc toàn bộ tiền và/hoặc tài sản vào TKGDKQ để thu nợ và thay mặt Khách hàng lập tất cả các chứng từ có liên quan;
- (vi) Sau khi xử lý toàn bộ TSBĐ của Khách hàng mà VTGS vẫn không thu hồi đủ Dư nợ ký quỹ, và các nghĩa vụ khác (nếu có) của Khách hàng thì Khách hàng đương nhiên tiếp tục nhận nợ phần nghĩa vụ chưa được thu hồi đủ với VTGS (VTGS có quyền yêu cầu Khách hàng thanh toán ngay lập tức). Khách hàng chịu trách nhiệm dùng toàn bộ tài sản và các nguồn thu nhập của mình để thực hiện nghĩa vụ tiếp tục trả nợ số vay cho VTGS. VTGS được toàn quyền xử lý các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi phần nghĩa vụ chưa thu hồi đủ này.

Điều 50: Xử lý vi phạm tỷ lệ và vi phạm thời hạn khoản vay trên TKGDKQ**50.1 Xử lý vi phạm R_{call} :**

- a) Khi R_{tt} trên TKGDKQ thấp hơn R_{call} , VTGS ngay lập tức gửi **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung** đến Khách hàng;
- b) Trong thời hạn bổ sung TSBĐ theo quy định tại **Điều này**, Khách hàng phải bổ sung TSBĐ và/hoặc giảm Dư nợ ký quỹ để đưa R_{tt} trên TKGDKQ cao hơn hoặc bằng R_{call} ;
- c) Quá thời hạn bổ sung TSBĐ mà Khách hàng không thực hiện bổ sung TSBĐ vào TKGDKQ, đồng thời R_{tt} của TKGDKQ liên tục thấp hơn R_{call} , VTGS sẽ được toàn quyền thực hiện bán TSBĐ của Khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ ký quỹ để đưa R_{tt} cao hơn hoặc bằng R_{call} theo nguyên tắc xử lý TSBĐ được quy định tại **Điều 49** mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng. Việc xử lý đến tỷ lệ cụ thể nào là do VTGS được toàn quyền quyết định và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc xử lý này.

50.2 Xử lý vi phạm R_{force} :

Khi R_{tt} trên TKGDKQ tại bất kỳ thời điểm nào nhỏ hơn R_{force} , ngay lập tức VTGS được toàn quyền bán TSBĐ của Khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ ký quỹ để đưa R_{tt} lớn hơn hoặc bằng R_{call} theo nguyên tắc xử lý TSBĐ theo quy định tại **Điều 49** mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng. Việc xử lý đến tỷ lệ cụ thể nào là do VTGS được toàn quyền quyết định và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc xử lý này.

50.3 Xử lý vi phạm thời hạn khoản vay:

Khi hết thời hạn của Dư nợ gốc, Tiền lãi vay và VTGS từ chối yêu cầu gia hạn của Khách hàng mà Khách hàng không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ được quy định tại HĐ mở TKCK, thì VTGS có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) bán TSBĐ của Khách hàng trên **TKGDKQ và/hoặc TKCK** để thu hồi một phần hoặc toàn bộ **Dư nợ ký quỹ** theo nguyên tắc xử lý TSBĐ theo quy định tại **Điều 49** mà không cần có bất kỳ sự chấp thuận nào của Khách hàng và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc xử lý này.

50.4 Thời hạn Khách hàng phải bổ sung TSBĐ là 03 ngày giao dịch kể từ ngày VTGS gửi **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung**. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, nếu trong thời hạn yêu cầu bổ sung TSBĐ này mà R_{tt} trên TKGDKQ thấp hơn R_{force} , VTGS có toàn quyền xử lý TSBĐ ngay lập tức theo cách thức quy định tại **Điều 49** mà không cần chờ đến hết thời hạn bổ sung TSBĐ được nêu tại khoản này.

50.5 Thời hạn phải hoàn trả khoản Dư nợ gốc, Tiền lãi vay là tại ngày đến hạn của Dư nợ gốc. Quá thời hạn này, VTGS có toàn quyền xử lý TSBĐ ngay lập tức theo cách thức quy định tại **Điều 49**.

50.6 Khách hàng có thể thực hiện bổ sung TSBĐ theo một hoặc đồng thời các cách sau:

- a) Nộp/chuyển tiền vào TKGDKQ với số tiền không thấp hơn giá trị tài sản tối thiểu cần bổ sung và/hoặc Dư nợ gốc, Tiền lãi vay đến hạn/quá hạn;
- b) Bán chứng khoán trong TKGDKQ với giá trị chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch và thuế liên quan) để đảm bảo R_{tt} không thấp hơn R_{call} và/hoặc đủ hoàn trả Dư nợ gốc, Tiền lãi vay đến hạn/quá hạn;
- c) Chuyển chứng khoán được phép GDKQ từ TKCK của Khách hàng sang TKGDKQ để đảm bảo R_{tt} không thấp hơn R_{call} ;
- d) Các cách thức khác theo thỏa thuận với VTGS.

50.7 Lệnh gọi ký quỹ bổ sung và thông báo hoàn trả Dư nợ gốc, Tiền lãi vay đến hạn/quá hạn sẽ được thông báo đến Khách hàng bằng một trong các cách thức quy định tại **Điều 8**.

Điều 51: Quyền, nghĩa vụ và cam kết của Khách hàng**51.1 Quyền:**

- a) Gửi yêu cầu sử dụng dịch vụ cho vay GDKQ theo đúng các nội dung quy định trong **Phần E** này;

- b) Chấm dứt **Phần E** này trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi Dư nợ ký quỹ, phí, chi phí liên quan và hoàn thành nghĩa vụ tài chính khác cho VTGS;
- c) Gửi yêu cầu chấm dứt sử dụng TKGDQK bằng văn bản đề nghị hủy/chấm dứt sử dụng dịch vụ. Việc sử dụng dịch vụ TKGDQK của Khách hàng sẽ chấm dứt kể từ ngày VTGS chấp nhận văn bản đề nghị hủy/chấm dứt này;
- d) Thực hiện các quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

51.2 Nghĩa vụ:

- a) Cung cấp đầy đủ, trung thực và cập nhật thay đổi nếu có liên quan đến các thông tin, tài liệu để mở, quản lý TKGDQK, GDKQ, vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp VTGS phải xử lý TSBĐ theo quy định tại **Phần E** này;
- b) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản tiền vay được VTGS tự động giải ngân trên TKGDQK (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại VTGS và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó và/hoặc các nghĩa vụ khác cho VTGS theo quy định của **Phần E** này;
- c) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, bổ sung TSBĐ theo quy định của VTGS trong trường hợp TSBĐ của Khách hàng bị giảm giá trị theo đánh giá của VTGS, trả bớt Dư nợ ký quỹ;
- d) Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của VTGS khi VTGS phải xử lý TSBĐ;
- e) Trong thời hạn có hiệu lực của khoản vay, TSBĐ không được chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp TSBĐ cho bất kỳ bên thứ ba nào, không xâm phạm đến TSBĐ hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền từ TSBĐ không đúng với các nội dung tại **Phần E** này;
- f) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa, xử lý TSBĐ, mở, sử dụng và quản lý TKGDQK;
- g) Thanh toán Dư nợ gốc, Tiền lãi vay khi đến hạn, phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho VTGS;
- h) Dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để hoàn trả Dư nợ ký quỹ, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho VTGS; đồng thời đồng ý để VTGS tự động phong tỏa tài khoản và trích tiền từ tài khoản của Khách hàng mở tại VTGS để thu hồi các khoản Dư nợ ký quỹ, phí, phạt bồi thường thiệt hại cho VTGS;
- i) Ủy quyền cho VTGS toàn quyền xử lý TSBĐ để thu hồi nợ khi R_t nhỏ hơn R_{call} . VTGS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt VTGS xử lý TSBĐ;
- j) Đồng ý, chấp thuận, tuân thủ đúng và cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của **Phần E** này;
- k) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật cũng như các rủi ro phát sinh.

51.3 Cam kết:

- a) Đã đọc, hiểu rõ và tuân thủ quy định về việc vay GDKQ và tại đây cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo **Phần E** này, các văn bản liên quan theo quy định của pháp luật;
- b) Có đủ năng lực dân sự và thẩm quyền cần thiết để sử dụng dịch vụ cho vay GDKQ;
- c) Khách hàng đồng ý rằng: Trừ trường hợp Khách hàng và VTGS có ký văn bản thỏa thuận khác đi một cách rõ ràng, người được Khách hàng ủy quyền liên quan đến TKCK của Khách hàng được hiểu là được ủy quyền tương đương trên cả TKCK và TKGDQK;
- d) Chuyển giao cho VTGS bản sao đầy đủ của các quy định/chấp thuận nội bộ cho phép Khách hàng ký kết và thực hiện **Phần E** này; các quy định/chấp thuận đó vẫn còn đầy đủ hiệu lực và chưa bị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh theo bất kỳ cách thức nào khác; Trường hợp có sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh các quy định/chấp thuận nội bộ nêu trên, Khách hàng cam kết ngay lập tức gửi thông tin cho VTGS. Nếu việc không thông báo hoặc thông báo chậm trễ dẫn đến vi phạm hoặc có thiệt hại phát sinh, Khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với VTGS, bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.

Điều 52: Quyền và nghĩa vụ của VTGS

52.1 Quyền:

- a) Liên quan đến việc quản lý TKGDQK, Khách hàng ủy quyền cho VTGS và không hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn thành mọi nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư nợ ký quỹ cho VTGS thực hiện các công việc sau:
 - (i) Thay mặt Khách hàng xử lý TSBĐ để thu hồi toàn bộ Dư nợ ký quỹ mà Khách hàng phải thanh toán cho VTGS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại **Phần E** này;
 - (ii) Thay mặt Khách hàng rút tiền để thanh toán các khoản vay đến hạn cho VTGS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại **Phần E** này;
 - (iii) Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với VTGS theo quy định tại **Phần E** này hay bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Khách hàng và VTGS hoặc theo quy định của pháp luật.
- b) Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSBĐ, các Tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ hoặc nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của VTGS;
- c) Đơn phương thay đổi danh mục chứng khoán được phép GDKQ, danh mục TSBĐ, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, R_t , R_{call} , R_{force} , thời hạn thanh toán khoản vay, lãi suất cho vay và thông báo cho Khách hàng theo quy định tại Điều 8;
- d) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh thay đổi tăng/giảm và chấm dứt hạn mức, sức mua đã cấp cho Khách hàng;
- e) Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại VTGS để:
 - (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại VTGS để thực hiện các GDKQ theo **Phần E** này;
 - (ii) Thu hồi Dư nợ ký quỹ và các nghĩa vụ khác đối với các trường hợp được quy định **Phần E** này.
- f) Được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ TKCK (nếu có) sang TKGDQK trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK;

- g) Tự động đóng TKGDQK khi Khách hàng vi phạm các nội dung theo **Phần E** này;
- h) Bất kỳ khi nào phát sinh nguồn tiền vào TKGDQK của Khách hàng mà Khách hàng còn Dư nợ ký quỹ thì VTGS được toàn quyền trích số tiền này để thanh toán Dư nợ ký quỹ mà không cần phải thông báo cho Khách hàng về việc thu nợ này. Tại thời điểm thu nợ, khoản vay của Khách hàng có thể chưa đến hạn thanh toán;
- i) Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải thanh toán trước hạn theo các quy định tại **Phần E** này, VTGS được quyền tự động trích tiền từ TKCK của Khách hàng tại VTGS để thu hồi nợ;
- j) Được quyền xử lý TSBĐ theo quy định tại **Phần E** này. Trường hợp xử lý TSBĐ bằng cách bán chứng khoán trên mà không bán được (do mất thanh khoản tại thời điểm cần xử lý), VTGS được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) nhận chứng khoán là TSBĐ theo giá sàn của ngày VTGS quyết định xử lý (bằng cách tự động thực hiện giao dịch vào tài khoản tự doanh của VTGS) để giảm bớt tương ứng nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng;
- k) Được quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VTGS trong trường hợp TSBĐ hoặc bảo lãnh không đủ để chi trả cho VTGS;
- l) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra các trường hợp được quy định tại **Điều 48** trên đây;
- m) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của VTGS theo quy định của **Phần E** này và các văn bản bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này VTGS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản;
- n) Được quyền thu Tiền lãi vay và/hoặc các khoản phí khác theo quy định của VTGS trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và nội dung của **Phần E** này.

52.2 Nghĩa vụ:

- a) Thực hiện nghĩa vụ thông báo trên Website VTGS hoặc thông báo bằng một trong các hình thức được quy định tại **Điều 8** cho Khách hàng các thay đổi về lãi suất cho vay, danh mục ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSBĐ theo quy định tại **Phần E** này, các thỏa thuận và văn bản đi kèm (nếu có) theo phương thức do VTGS quyết định;
- b) Thực hiện đúng quy định tại **Phần E** này và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có);
- c) Thông báo cho Khách hàng trước khi thực hiện xử lý TSBĐ và gửi cho Khách hàng kết quả giao dịch bán chứng khoán theo phương thức do VTGS lựa chọn phù hợp với quy định của VTGS.